

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 474/2020/HC-PT

Ngày: 31 - 8 - 2020

*V/v khiếu kiện quyết định hành
chính và giải quyết khiếu nại trong
lĩnh vực quản lý đất đai..*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương.

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Văn Ý

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 20/2020/TLPT - HC ngày 10 tháng 01 năm 2020 về khiếu kiện quyết định hành chính và giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2019/HC- ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 412/2020/QĐ- PT ngày 23 tháng 4 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 146/2020/QĐ- PT ngày 18 tháng 5 năm 2020; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1913/2020/QĐ- PT ngày 18 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 152/2020/QĐ- PT ngày 01 tháng 7 năm 2020 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1955/2020/QĐ- PT ngày 01 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 155/2020/QĐ- PT ngày 14 tháng 7 năm 2020; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3526/2020/QĐ- PT ngày 19 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 244/2020/QĐ- PT ngày 19 tháng 8 năm 2020

giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Kiều T1, sinh năm 1964; (*Theo văn bản ủy quyền ngày 21/3/2018*) (có mặt);

Cùng địa chỉ: số 216, ấp X, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Phúc D - Văn phòng Luật sư N- Hậu Giang, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hậu Giang (có mặt);

Địa chỉ: số 37, đường N1, Phường 5, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân thành phố C;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Phan Thành M, Chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố C(xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: số 03, đường 30/4, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố C; Chủ tịch UBND thành phố C: Ông Nguyễn Văn T2, Chức vụ: Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố C(có mặt);

Địa chỉ: số 03, đường 30/4, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ1;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn D1, Chức vụ: Chủ tịch UBND tỉnh Đ1 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: số 12, đường 30/4, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Đ1: Ông Huỳnh Công H. Chức vụ: Chuyên viên, Chi Cục quản lý đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường (có mặt);

Địa chỉ: số 03, Quốc lộ 30, ấp X1, xã X2, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phạm Kiều T1, sinh năm 1964 (có mặt);

3.2. Huỳnh Thanh L, sinh năm 1990 (vắng mặt);

3.3. Huỳnh Thanh P, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của Huỳnh Thanh L và Huỳnh Thanh P là: Bà Phạm Kiều T1, sinh năm 1964 (*Theo văn bản ủy quyền ngày 05/6/2018*) (có mặt);

Cùng địa chỉ: số 216, ấp X, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Ông Huỳnh Thanh T là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2016; Đơn khởi kiện vụ án hành chính bổ sung ngày 19/10/2017; Đơn khởi kiện vụ án hành chính bổ sung ngày 06/4/2018 của ông Huỳnh Thanh T và bà Phạm Kiều T1 đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Thanh T trình bày:

Nguồn gốc đất là của ông Huỳnh Hoàng S (cha ruột ông Huỳnh Thanh T) có phần đất tọa lạc tại Phường 4, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Năm 1989, ông Huỳnh Hoàng S có hiến cho Nhà nước một phần đất có diện tích 114m² để làm đường Nguyễn Thị L1. Năm 1990, ông Huỳnh Hoàng S tiếp tục hiến thêm một phần đất diện tích 105m².

Năm 1993, ông Huỳnh Hoàng S có bán (chuyển nhượng) cho ông Võ Khắc Đ2 phần đất có diện tích 448,5m², cùng vào năm 1993 ông Huỳnh Hoàng S có kê khai nộp thuế và được Chi cục Thuế thị xã C xác nhận tổng diện tích kê khai thuế là 712m².

Đến năm 2000, chính quyền địa phương tiếp tục vận động gia đình ông Huỳnh Hoàng S hiến thêm một phần diện tích đất nữa nhưng gia đình ông Huỳnh Hoàng S không đồng ý.

Năm 2003, ông Huỳnh Hoàng S tặng cho con là ông Huỳnh Thanh T phần diện tích đất trên. Đến năm 2006, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố C tổ chức Đoàn cưỡng chế phần đất trên và thu hồi phần đất có diện tích 543,7m² nhưng sau đó chỉ bồi thường cho ông Huỳnh Thanh T một phần đất diện tích là 186,3m², phần đất diện tích là 357,4m² còn lại thì không bồi thường cho gia đình ông Huỳnh Thanh T. Ông Huỳnh Thanh T đã trực tiếp khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thành phố C, về việc không áp giá bồi thường phần đất còn lại diện tích là 357,4m².

Ngày 30/11/2009, Chủ tịch UBND thành phố C ban hành Quyết định số: 88/QĐ-UBND với nội dung bác đơn khiếu nại của ông Huỳnh Thanh T với lý do là không mở rộng đường Trần Thị N2 nên đất của gia đình ông Huỳnh Thanh T không bị mất, Ủy ban nhân dân thành phố C cho rằng vận động ông Huỳnh Thanh T hiến phần diện tích đất 142m² nhưng lại không có biên bản vận động hiến và chỉ là lời nói một phía. Ông Huỳnh Thanh T không đồng ý với Quyết định số: 88 nên tiếp tục khiếu nại Quyết định số: 88/QĐ-UBND tại Ủy ban nhân dân tỉnh Đ1.

Ngày 06/01/2011, Chủ tịch UBND tỉnh Đ1 ban hành Quyết định số: 05/QĐ-UBND-NĐ với nội dung Chuẩn y Quyết định số: 88/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố C, ông Huỳnh Thanh T không đồng ý với nội dung

giải quyết khiếu nại tại Quyết định số: 05/QĐ-UBND-NĐ của Chủ tịch UBND tỉnh Đ1. Ông Huỳnh Thanh T tiếp tục khiếu nại Quyết định số: 05/QĐ-UBND-NĐ đến Thanh tra Chính phủ.

Ngày 25/5/2012, Đoàn Thanh tra Chính phủ thực hiện theo Quyết định số: 884/QĐ-TTCT và đã có Kết luận là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất vẫn còn đang thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông Huỳnh Hoàng S và bà Thái Thị M1 và yêu cầu ông Huỳnh Thanh T cung cấp giấy tờ chứng minh sự chuyển quyền sử dụng, sở hữu giữa ông Huỳnh Hoàng S và bà Thái Thị M1 với vợ chồng ông Huỳnh Thanh T. Sau khi có Kết luận của Thanh tra Chính phủ, ông Huỳnh Thanh T tiếp tục yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết bồi thường phần đất còn lại, chưa ra quyết định thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Huỳnh Thanh T vì vào năm 2003 ông Huỳnh Hoàng S đã tặng cho con là ông Huỳnh Thanh T toàn bộ phần đất trên (có giấy cho đất) nhưng Ủy ban nhân dân tỉnh Đ1 kéo dài đến ngày 21/9/2015 thì ban hành thông báo với nội dung chấm dứt giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Thanh T.

Ngày 24/6/2016, ông Huỳnh Thanh T được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ1 mời đến họp với tổ tư vấn để xem xét xử lý về phần đất còn thiếu.

Ngày 13/9/2016 ông T nhận được Công văn số: 183/UBND-TCD của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ1 với nội dung là khiếu nại của ông Huỳnh Thanh T không phù hợp với quy định pháp luật và không phát sinh tình tiết mới.

Việc Ủy ban nhân dân thành phố C ngang nhiên thu hồi đất của ông Huỳnh Thanh T nhưng không áp giá bồi thường cho phần đất mà Ủy ban nhân dân thành phố C cho rằng đã vận động ông Huỳnh Thanh T hiến nhưng ông Huỳnh Thanh T không đồng ý, bên cạnh đó cũng không hề có bất kỳ quyết định thu hồi nào đối với phần đất đó và cũng không có văn bản nào liên quan đến việc ông Huỳnh Thanh T hiến đất nhưng vẫn thực hiện công trình trên phần đất của ông Huỳnh Thanh T để làm vỉa hè, như vậy là đã trực tiếp làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Huỳnh Thanh T. Chính vì vậy, ông Huỳnh Thanh T khởi kiện Ủy ban nhân dân thành phố C, Chủ tịch UBND thành phố C và Chủ tịch UBND tỉnh Đ1 với yêu cầu như sau:

+ Hủy Quyết định số: 88/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của Chủ tịch UBND thành phố C về việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Thanh T;

+ Hủy Quyết định số: 05/QĐ-UBND-NĐ ngày 06/01/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Thanh T;

+ Hủy Công văn số: 183/UBND-TCD ngày 13/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ1;

+ Bồi thường đối với phần đất bị thu hồi có diện tích 357,4m² với số tiền là

469.849.4756 đồng.

+ Hủy Quyết định số: 2339/QĐ-UBND ngày 12/12/2006 của Ủy ban nhân dân thị xã C về việc thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ về đất cho hộ ông Huỳnh Thanh T, ngụ tại Phường 4, thị xã C để xây dựng công trình đường Trần Thị N2.

+ Yêu cầu về hành vi hành chính của Chủ tịch UBND tỉnh Đ1 về việc từ khi có biên bản làm việc theo Quyết định số: 884/QĐ-TTCP ngày 25/5/2012 của Thanh tra Chính phủ đến nay Ủy ban nhân dân tỉnh Đ1 không thi hành bất cứ quyết định hay Công văn nào để trả lời về việc có thi hành hoặc không thi hành theo nội dung biên bản làm việc của Thanh tra Chính phủ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Phạm Kiều T1 đại diện cho ông Huỳnh Thanh T chỉ yêu cầu hủy Quyết định số: 88/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của Chủ tịch UBND thành phố C, hủy Quyết định số: 05/QĐ-UBND-NĐ ngày 06/01/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ1. Người khởi kiện xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể là rút lại yêu cầu bồi thường đối với phần đất bị thu hồi có diện tích 357,4 m² với số tiền là 469.849.476 đồng; rút lại yêu cầu hủy Quyết định số: 2339/QĐ-UBND ngày 12/12/2006 của Ủy ban nhân dân thị xã C, về việc thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ về đất cho hộ ông Huỳnh Thanh T, ngụ tại Phường 4, thị xã C để xây dựng công trình đường Trần Thị N2 và rút lại yêu cầu về hành vi hành chính của Chủ tịch UBND tỉnh Đ1, về việc từ khi có biên bản làm việc theo Quyết định số: 884/QĐ-TTCP ngày 25/5/2012 của Thanh tra Chính phủ đến nay Ủy ban nhân dân tỉnh Đ1 không thi hành bất cứ quyết định hay Công văn nào để trả lời về việc có thi hành hoặc không thi hành theo nội dung biên bản làm việc của Thanh tra Chính phủ.

- *Người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố C và Chủ tịch UBND thành phố C có văn bản số 1354 ngày 15/8/2017 trình bày ý kiến và đề nghị:* Việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Thanh T, Chủ tịch UBND thành phố C đã thực hiện đúng quy định. Đến nay, theo Điều 116 Luật tổ tụng hành chính năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện quyết định hành chính đã hết. Về yêu cầu bồi thường đất bị thu hồi có diện tích 357,4m² với số tiền là 469.849.416 đồng, việc thu hồi, bồi thường đối với ông Huỳnh Thanh T thực hiện đúng quy định tại thời điểm lập phương án. Do đó, đối với yêu cầu của ông T đòi bồi thường với số tiền 469.849.476 đồng là không có cơ sở xem xét. Do đó, Chủ tịch UBND thành phố C đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xem xét đến thời hiệu khởi kiện đối với ông Huỳnh Thanh T để xem xét giải quyết.

- *Người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Đ1 có văn bản số 114 ngày 25/5/2017, văn bản số 321 ngày 27/11/2017; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Đ1 trình bày ý kiến và đề nghị:*

Nguồn gốc đất là của ông Huỳnh Hoàng S (là cha ruột ông Huỳnh Thanh T), diện tích 01 công đất vườn và 01 công đất ruộng, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1989 Ủy ban nhân dân Phường 4, thị xã C vận động gia đình ông Huỳnh Hoàng S hiến 03m đất chiều ngang để làm đường T3, ông Huỳnh Hoàng S đã đồng ý hiến đất. Năm 1990, gia đình ông Huỳnh Hoàng S tiếp tục hiến 105m² đất (ngang 3m, dài 35m) để làm đường Trần Thị N2. Ngày 12/01/1993, ông Huỳnh Hoàng S kê khai nộp thuế đất với tổng diện tích là 712m² và đã đóng thuế đến ngày 31/01/1994. Ngày 21/11/1994, ông Huỳnh Hoàng S có đơn đăng ký quyền sử dụng ruộng đất và được chính quyền địa phương xác nhận với tổng diện tích còn lại là 448,50m². Gồm các thửa: thửa số 169, diện tích 112m² (loại đất thổ); thửa số 168, diện tích 112m² (loại đất thổ); thửa số 170, diện tích 112,25m² (loại đất LNK); thửa số 171, diện tích 112,25m² (loại đất LNK). Tại thời điểm này, dù chưa được cơ quan thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông Huỳnh Hoàng S đã chuyển nhượng cho 02 hộ dân, cụ thể: Ngày 25/4/1995, ông Huỳnh Hoàng S chuyển nhượng cho ông Nguyễn Khắc Đ3 diện tích 224,25m², thuộc thửa 168, thửa 171 và ông Nguyễn Khắc Đ3 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 07/6/1995, ông Huỳnh Hoàng S chuyển nhượng cho bà Võ Thị H1 diện tích 224,25m², thuộc thửa 169, 170 và bà Võ Thị H1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1997, Ủy ban nhân dân Phường 4 tiến hành đo đạc xác định ranh giới, mốc giới thửa đất của ông Huỳnh Hoàng S theo hiện trạng đang sử dụng với diện tích 500,7m² đất thổ cư (đã trừ phần diện tích của đường Võ Duy D2 nay là đường Trần Thị N2 với mặt đường là 7m).

Ngày 27/02/2001, ông Huỳnh Hoàng S có đơn đăng ký quyền sử dụng đất với tổng diện tích là 500,7m², thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 01, gồm 300m² đất thổ và 200,7m² đất vườn, nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2001, Ủy ban nhân dân Phường 4 thực hiện công tác chỉnh trang đô thị, mở rộng đường Trần Thị N2 (trước đây có tên là đường Võ Duy D2) và tiếp tục lấy vào phần đất của gia đình ông Huỳnh Hoàng S thêm 142m² (4m chiều ngang và 35,5m chiều dài).

Năm 2005, khi thực hiện dự án mở rộng đường Trần Thị N2 theo phương thức Nhà nước và nhân dân cùng làm, đến ngày 02/12/2005 đoàn khảo sát, đo đạc của Ủy ban nhân dân thị xã C đã tiến hành lập biên bản khảo sát, có xác nhận của ông Huỳnh Thanh T với tổng diện tích đất còn lại của gia đình ông Huỳnh Thanh T đang sử dụng là 500,7m² (lúc này ông Huỳnh Hoàng S đã chết).

Ngày 02/10/2006, Ủy ban nhân dân thị xã C cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất cho ông Huỳnh Thanh T phần diện tích ngoài quy hoạch mở rộng đường Trần Thị N2 với tổng diện tích 168,1 m² đất gồm: thửa 32 diện tích 58,8m² loại đất ở tại đô thị và thửa số 10 diện tích 109,3m² loại đất nuôi trồng thủy sản.

Không thống nhất với loại đất được công nhận, ông Huỳnh Thanh T khiếu nại với yêu cầu đòi bồi thường diện tích 142m² đất giải tỏa làm via hè, yêu cầu điều chỉnh diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ đất nuôi trồng thủy sản (ao) sang đất ở.

Ngày 12/12/2006, Ủy ban nhân dân thị xã C ban hành Quyết định số: 2339/QĐ-UBND, về việc thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ về đất cho hộ Huỳnh Thanh T với diện tích 186,3m² đất lâu năm, tổng số tiền đền bù là 64.273.500 đồng.

Ngày 21/3/2007, Ủy ban nhân dân thị xã C ban hành Quyết định số: 82/QĐ-UBND.HC bác đơn của ông Huỳnh Thanh T yêu cầu điều chỉnh diện tích 186,3m² từ đất lâu năm sang đất ở; yêu cầu giải quyết bồi thường diện tích 142m² đất giải tỏa làm via hè; yêu cầu điều chỉnh diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ đất ao sang đất ở.

Ngày 05/10/2007, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ1 ban hành Quyết định số: 556/QĐ-UBND-NĐ, về việc hủy Quyết định số: 82/QĐ-UBND.HC ngày 21/3/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố C và giải quyết: Bác đơn yêu cầu bồi thường diện tích đất còn thiếu của ông Huỳnh Thanh T; điều chỉnh bồi thường diện tích 186,3m² đất lâu năm sang đất ở và lập thủ tục điều chỉnh diện tích 109,3m² từ đất nuôi trồng thủy sản sang đất ở trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Thanh T. Giao Ủy ban nhân dân thành phố C tiếp tục vận động gia đình ông Thiên diện tích 142m² đất giải tỏa để làm via hè của đường Trần Thị N2.

Ngày 26/3/2008, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đ1 có Công văn số: 304/VPUBND-NC giao Ủy ban nhân dân thành phố C tiến hành thực hiện điều chỉnh giá bồi thường cho gia đình ông Huỳnh Thanh T đối với phần đất thổ diện tích 186,3m² đã thu hồi theo Quyết định số: 2339/QĐ-UBND ngày 12/12/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố C theo khung giá đất quy định tại Quyết định số: 113/2005/QĐ-UBND ngày 26/12/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ1.

Ngày 21/01/2008, Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số: 14/QĐ-UBND, về việc bồi thường bổ sung do chênh lệch giá đất từ loại đất lâu năm sang loại đất ở.

Ngày 07/3/2008, ông Huỳnh Thanh T được điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01671, diện tích 109,3m² từ loại đất nuôi trồng thủy sản

thành đất ở tại đô thị.

Ngày 26/6/2009, Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số: 400/QĐ-UBND, về việc điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số: 2339/QĐ-UBND. Quyết định này thay đổi giá đền bù, theo khung giá đất quy định tại Quyết định số: 113/2005/QĐ-UBND ngày 26/12/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ1.

Ngày 30/11/2009, Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số: 88/QĐ-UBND có nội dung: Bác đơn yêu cầu của ông Huỳnh Thanh T về việc yêu cầu bồi thường bổ sung phần đất thiếu do giải tỏa, mở rộng đường Trần Thị N2 và xem xét tái định cư 02 nền nhà.

Ngày 22/01/2010, Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số: 05/QĐ-UBND.HC giải quyết: bác đơn của bà Phạm Kiều T1, về việc yêu cầu áp giá bồi thường đất tại thời điểm giải quyết điều chỉnh loại đất cho gia đình bà Kiều T1.

Ngày 06/01/2011, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ1 ban hành Quyết định số: 05 và Quyết định số: 06/QĐ-UBND-NĐ, chuẩn y hai Quyết định số: 88/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 và Quyết định số: 05/QĐ-UBND ngày 22/01/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố C.

Ngày 05/3/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ1 ban hành Quyết định số: 32/QĐ-UBND-NĐ với nội dung: Hủy Quyết định số: 06/QĐ-UBND-NĐ ngày 06/01/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ1 và giải quyết: Bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Thanh T theo loại đất ở đô thị với diện tích 186,3m² theo giá đất tại Quyết định số: 71/2006/QĐ-UBND ngày 22/12/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ1, về việc ban hành Quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; đồng thời hỗ trợ lãi suất ngân hàng có kỳ hạn 12 tháng cho hộ ông Huỳnh Thanh T, kể từ ngày 12/12/2006 đến ngày 01/3/2014.

Như vậy, đối với phần đất ông Huỳnh Thanh T khiếu nại, ông đã nhận tiền đền bù với tổng số tiền là 244.916.000 đồng đối với diện tích 186,3m² đất làm lòng đường Trần Thị N2. Phần diện tích 142 m² làm vỉa hè thực hiện theo hình thức Nhà nước và nhân dân cùng làm, không giải quyết đền bù cho hộ ông T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2019/HC-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thanh T về việc:

1.1. Về việc yêu cầu hủy Quyết định số: 88/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của Chủ tịch UBND thành phố C;

1.2. Về việc yêu cầu hủy Quyết định số: 05/QĐ-UBND-NĐ ngày 06/01/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ1.

1.3. Về việc yêu cầu hủy Công văn số: 183/UBND-TCD ngày 13/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ1.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thanh T về việc: Yêu cầu hủy Quyết định số: 2339/QĐ-UBND ngày 12/12/2006 của Ủy ban nhân dân thị xã C, về việc thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ về đất cho hộ ông Huỳnh Thanh T, ngụ tại Phường 4, thị xã C để xây dựng công trình đường Trần Thị N2; Yêu cầu bồi thường đối với phần đất bị thu hồi có diện tích 357,4m² với số tiền là 469.849.476 đồng và yêu cầu về hành vi hành chính của Chủ tịch UBND tỉnh Đ1, về việc từ khi có biên bản làm việc theo Quyết định số: 884/QĐ-TTCT ngày 25/5/2012 của Thanh tra Chính phủ mà Ủy ban nhân dân tỉnh Đ1 không thi hành bất cứ quyết định hay Công văn nào để trả lời về việc có thi hành hoặc không thi hành theo nội dung tại biên bản làm việc của Thanh tra Chính phủ.

3. Trả lại đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo cho đương sự nếu có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 02/12/2019 ông Huỳnh Thanh T kháng cáo một phần bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị sửa án theo hướng chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, hủy Quyết định số: 88/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của Chủ tịch UBND thành phố C; hủy Quyết định số: 05/QĐ-UBND-NĐ ngày 06/01/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T1 đại diện cho ông Huỳnh Thanh T vẫn giữ nguyên kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung hủy 01 phần Quyết định số: 88/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của Chủ tịch UBND thành phố C về bác đơn bồi thường đất vỉa hè 142 m²; hủy một phần Quyết định số: 05/QĐ-UBND-NĐ ngày 06/01/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ1 về phần giữ nguyên Quyết định số: 88/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của Chủ tịch UBND thành phố C về bác đơn bồi thường đất vỉa hè 142 m².

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Nhà nước vận động nhân dân hiến đất làm vỉa hè, không có văn bản chứng minh gia đình bà T1 ký quyết định, không có quyết định thu hồi đất, gia đình bà T1 không đồng ý hiến đất vì gia đình bà T1 không còn đất để canh tác. Tờ trường trình xác nhận của địa phương, gia đình bà T1 không còn đất ở tại địa phương.

Bà T1 trình bày: Không có biên bản gia đình đồng ý hiến đất làm vỉa hè vì gia đình nghèo, không có đất canh tác, không có tiền cất nhà ở. UBND thành phố C chưa bồi thường đủ diện tích cho gia đình bà, phần đất Nhà nước lấy làm đường chỉ mới bồi thường 186,3 m².

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố C trình bày:

Phần đất UBND thành phố thu hồi đã bồi thường. Đất vận động người dân hiến đất làm vỉa hè không bồi thường. Khi UBND thành phố thực hiện dự án, gia đình bà T1 vẫn còn đất, gia đình bà T1 đã chuyển nhượng đất cho người khác và đã hưởng lợi từ dự án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Đ1 trình bày:

Công trình Nhà nước và nhân dân cùng làm. Phần đất vỉa hè, Nhà nước vận động nhân dân trong dự án và không bồi thường. Đề nghị giữ nguyên quyết định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: UBND thành phố C khẳng định tiếp tục vận động gia đình bà T1 trong khi UBND thành phố C đã lấy đất của gia đình bà T1 từ năm 2005.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố C trình bày:

Không bồi thường diện tích 142 m² đất làm vỉa hè vì Nhà nước và nhân dân cùng làm, bồi thường sẽ phá vỡ chủ trương của tỉnh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Đ1 trình bày:

Dự án Trần Thị N2 thực hiện, vỉa hè vận động nhân dân hiến đất và không bồi thường cho hộ nào.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- *Về kháng cáo của ông Huỳnh Thanh T:* Sau khi trình bày nội dung vụ án, đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm: Theo lời khai của người bị kiện thì năm 1997, Ủy ban nhân dân Phường 4 tiến hành đo đạc xác định ranh giới, mốc giới thửa đất của ông Huỳnh Hoàng S theo hiện trạng đang sử dụng với diện tích 500,7m² đất thổ cư (đã trừ phần diện tích của đường Võ Duy D2 nay là đường Trần Thị N2 với mặt đường là 7m). Khi thực hiện dự án, diện tích gia đình ông T đang sử dụng là 500,7m². Tại Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của UBND thành phố C đã nêu phương án bồi thường phần diện tích bị trùng quy hoạch mở rộng đường là 328,3 m² trong

đó lòng đường 186,3 m², đất vỉa hè là 142 m², phần đất còn lại là 207,6 m². Sau khi giải tỏa, gia đình ông T được cấp 168,1 m². Như vậy, có sự mâu thuẫn khác nhau về diện tích còn lại là 172,4 m² nếu lấy diện tích đăng ký 500,7 m² - diện tích thu hồi 328,3 m²; diện tích còn lại ghi trong Quyết định số 88 là 207,6 m²; diện tích được cấp sau khi thu hồi đất 168,1 m². Diện tích cấp đất cho gia đình ông T còn thiếu nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh, đo đạc, thẩm định làm rõ mà đã bác đơn khởi kiện của ông T là chưa vững chắc, vi phạm thủ tục tố tụng.

Hơn nữa, đối với yêu cầu hủy Công văn số: 183/UBND-TCĐ ngày 13/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ1, về việc trả lời khiếu nại của bà Phạm Kiều T1: Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng ngày 29/9/2017 Chủ tịch UBND tỉnh Đ1 ban hành Công văn số: 273/UBND-TCĐ, về việc thu hồi lại Công văn số: 183/UBND-TCĐ ngày 13/9/2016 trên nên Công văn số: 183/UBND-TCĐ ngày 13/9/2016 không còn hiệu lực. Người khởi kiện không rút yêu cầu khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét Công văn số: 183/UBND-TCĐ ngày 13/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ1 và Công văn số: 273/UBND-TCĐ ngày 29/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ1 là vi phạm thủ tục tố tụng.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chưa đảm bảo quy định về nội dung, cấp phúc thẩm không thể thu thập chứng cứ bổ sung và khắc phục được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T, hủy bản án hành chính sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:*

Ngày 13/9/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ1 ban hành Công văn số: 183/UBND-TCĐ (Công văn số: 183), về việc trả lời đơn khiếu nại của Phạm Kiều T1, ngụ xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang;

Ngày 29/9/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ1 ban hành Công văn số: 273/UBND-TCĐ (Công văn số: 273), về việc khiếu nại của ông Huỳnh Thanh T.

Ông Huỳnh Thanh T không đồng ý nên ngày 12/12/2016, ông T nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp yêu cầu: hủy Quyết định số:

2339/QĐ-UBND (Quyết định số: 2339), về việc thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ về đất cho hộ Huỳnh Thanh T, ngụ tại Phường 4, thị xã C để xây dựng công trình đường Trần Thị N2; hủy Quyết định số: 88/QĐ-UBND (Quyết định số: 88), về việc giải quyết đơn của bà Phạm Kiều T1 khiếu nại bồi thường bổ sung đất do mở rộng đường Trần Thị N2 phần đất tại tổ 14, Phường 4, thành phố C; hủy Quyết định số: 05/QĐ-UBND-NĐ (Quyết định số 05), về việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Thanh T ủy quyền cho bà Phạm Kiều T1, ngụ xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang; hủy Công văn số: 183/UBND-TCD (Công văn số: 183), về việc trả lời đơn khiếu nại của Phạm Kiều T1, ngụ xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Yêu cầu bồi thường đối với phần đất bị thu hồi có diện tích $357,4\text{m}^2$ với số tiền là 469.849.476 đồng và yêu cầu về hành vi của Chủ tịch UBND tỉnh Đ1 sau khi có biên bản làm việc của Thanh tra Chính phủ mà Ủy ban nhân dân tỉnh Đ1 không thi hành bất cứ quyết định hay Công văn nào để trả lời về việc có thi hành hoặc không thi hành theo nội dung biên bản làm việc của Thanh tra Chính phủ.

Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật tổ tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Thanh T:

[2.1] Quyết định số: 88/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của Chủ tịch UBND thành phố C; Quyết định số: 05/QĐ-UBND-NĐ (Quyết định số: 05) ngày 06/01/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ1

[2.1.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định: đúng theo qui định của pháp luật.

[2.1.2] Về nội dung:

Ngày 01/9/2004, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ1 ban hành quyết định số: 1540/QĐ- UB.HC, về việc phê duyệt và quyết định đầu tư mở rộng dự án đường Trần Thị N2, Phường 4, thị xã C.

Ngày 20/10/2005, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ1 ban hành quyết định số: 1822/QĐ-UB.HC, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xây dựng mở rộng đường Trần Thị N2, Phường 4, thị xã C.

Ngày 12/12/2006, Ủy ban nhân dân thị xã C ban hành quyết định số: 2339 về việc thu hồi và bồi thường, hỗ trợ về đất cho hộ ông Huỳnh Thanh T với diện tích $186,3\text{m}^2$ đất lâu năm. Ngày 02/10/2006, Ủy ban nhân dân thị xã C đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Thanh T phần diện tích nằm ngoài quy hoạch mở rộng đường Trần Thị N2 với diện tích $168,1\text{m}^2$ gồm: thửa số 32, diện tích $58,8\text{m}^2$ mục đích đất ở đô thị và thửa số 10, diện tích

109,3m² mục đích đất nuôi trồng thủy sản.

Theo phương án bồi thường được phê duyệt thì tổng diện tích giải tỏa của hộ ông Huỳnh Thanh T diện tích là 328,3m², trong đó phần lòng đường diện tích là 186,3m² đã được bồi thường theo loại đất cây lâu năm, phần đất làm vỉa hè diện tích 142m² không bồi thường. Ông Huỳnh Thanh T không thống nhất về việc bồi thường theo loại đất cây lâu năm mà phải bồi thường theo loại đất ở, không thống nhất việc giải tỏa làm vỉa hè diện tích 142m² mà không bồi thường, đồng thời không thống nhất việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Thanh T mục đích đất nuôi trồng thủy sản và giải tỏa bồi thường còn thiếu đất của ông T nên ông T đã có đơn khiếu nại.

Ngày 21/3/2007, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định số: 82 về việc giải quyết khiếu nại của ông T, nội dung bác đơn khiếu nại của ông T về yêu cầu bồi thường diện tích 186,3m² từ cây lâu năm sang đất ở, yêu cầu bồi thường diện tích 142m² đất giải tỏa làm vỉa hè và yêu cầu điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ đất ao sang đất ở.

Ngày 05/10/2007, Chủ tịch UBND tỉnh Đ1 ban hành Quyết định số: 556 nội dung hủy Quyết định số: 82, điều chỉnh bồi thường diện tích 186,3m² từ đất cây lâu năm sang đất ở, lập thủ tục điều chỉnh diện tích 109,3m² từ đất nuôi trồng thủy sản sang đất ở trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Huỳnh Thanh T và bác yêu cầu bồi thường diện tích đất còn thiếu, tiếp tục vận động ông Huỳnh Thanh T hiến diện tích 142m² để giải tỏa làm vỉa hè. Ông Huỳnh Thanh T không thống nhất nên tiếp tục khiếu nại yêu cầu bồi thường bổ sung phần đất còn thiếu và bố trí 02 nền tái định cư.

Năm 2005, khi lập phương án bồi thường mở rộng đường Trần Thị N2, tại tổ 14 (tổ 13 cũ), Phường 4, thị xã C phần đất của ông Huỳnh Hoàng S bị vướng quy hoạch. Đoàn đo đạc thị xã C đã tiến hành đo đạc xác định diện tích đất của ông S (theo biên bản ngày 02/12/2005 có sự chứng kiến, xác nhận của ông Huỳnh Thanh T con của ông S do ông S chết năm 2005) được đo từ lề đường hiện hữu có hàng rào của gia đình ông T và con mương lộ thể hiện đường Trần Thị N2 có chiều ngang 7m, phần đất bị trùng quy hoạch mở rộng đường Trần Thị N2 diện tích là 328,3m², trong đó có phần đất vỉa hè diện tích là 142m², phần diện tích còn lại là 207,6m². Ông T có tổng diện tích là 535,9m² lớn hơn so với đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất vào ngày 26/02/1994 và ngày 27/02/2001 của ông Huỳnh Hoàng S, được Ủy ban nhân dân thị xã C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích là 500,7m².

Ông Huỳnh Thanh T khiếu nại cho rằng con đường hiện hữu đường Võ Duy D2 nay thay đổi là đường Trần Thị N2 có chiều ngang 3m. Ông T khiếu nại

yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố C xem xét bố trí 02 nền tái định cư, do sau khi thu hồi đất của ông Huỳnh Thanh T thì hộ ông T vẫn còn đất ở và phần diện tích đất này ông T đã có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất và đã được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 168,1 m² đất ở, tại thửa số 32 và thửa số 10, tờ bản đồ số 01, tọa lạc Phường 4, thành phố C. Việc yêu cầu bố trí 02 nền tái định cư của ông Huỳnh Thanh T không phù hợp với quy định pháp luật về quy hoạch xây dựng nhà ở được duyệt và không có căn cứ.

Ngày 30/11/2009, Chủ tịch UBND thành phố C ban hành Quyết định số: 88 về việc giải quyết khiếu nại của ông T, nội dung

" Điều 1:

+ Bác đơn của bà Phạm Kiều T1 (chồng là ông Huỳnh Thanh T) khiếu nại yêu cầu bồi thường bổ sung phần đất do giải tỏa, thu hồi mở rộng đường Trần Thị N2 bị thiếu diện tích tại phần đất thuộc Tổ 14, Phường 4, thành phố C.

Lý do: Diện tích đất của hộ ông Huỳnh Thanh T bị thu hồi, bồi thường do mở rộng đường Trần Thị N2, Phường 4 là phù hợp với hiện trạng sử dụng và tại thời điểm năm 2001, Nhà nước không có mở rộng con đường này làm mất đất của gia đình ông T.

+ Bác đơn của bà Phạm Kiều T1 yêu cầu cấp hai nền tái định cư do Nhà nước giải tỏa, thu hồi đất ở của gia đình bà.

Lý do: Khi thi công mở rộng đường Trần Thị N2, phần đất của hộ ông Huỳnh Thanh T không bị Nhà nước giải tỏa, thu hồi đất và diện tích đất ở còn lại sử dụng 168,1 m² phù hợp với quy hoạch xây dựng nhà ở".

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T1 đại diện cho ông T thừa nhận không có yêu cầu hủy Quyết định số: 88 về yêu cầu bố trí hai nền tái định cư nữa vì sau khi bị thu hồi đất, thì phần đất còn lại đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do khó khăn gia đình đã bán phần đất này. Bà T1 yêu cầu hủy Quyết định số: 88 về không bồi thường đất thu hồi của bà làm vỉa hè 142 m².

Quyết định số: 05/QĐ-UBND-NĐ ngày 06/01/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Thanh T ủy quyền cho bà Phạm Kiều T1, ngụ xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Nội dung quyết định là bác đơn yêu cầu bồi thường bổ sung phần đất thiếu do giải tỏa mở rộng đường Trần Thị N2 và xem xét tái định cư 02 nền nhà ở.

Theo quy định của Luật đất đai năm 2003:

Khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2003: " Điều 106:.....2. Người sử dụng đất được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Mục 4 Chương II của Luật này"

Khoản 1 Điều 38: ". 1. Nhà nước sử dụng đất vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, phát triển kinh tế;"

Điều 42. Bồi thường, tái định cư cho người có đất bị thu hồi

"1. Nhà nước thu hồi đất của người sử dụng đất mà người bị thu hồi đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 của Luật này thì người bị thu hồi đất được bồi thường, trừ các trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và 12 Điều 38 và các điểm b, c, d, đ và g khoản 1 Điều 43 của Luật này".

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu người bị kiện cung cấp các tài liệu, chứng cứ về việc thu hồi đất làm đường Trần Thị N2 để chứng minh việc thu hồi đất là do Nhà nước và nhân dân cùng làm; tài liệu thể hiện ông T đồng ý hiến đất hoặc văn bản đã vận động ông T hiến đất; các hộ dân cùng bị thu hồi có đồng ý hiến đất không và có được bồi thường hay không đối với đất thu hồi làm vỉa hè. UBND tỉnh Đ1 giao UBND thành phố C vận động ông T hiến đất. UBND Phường 4 thành phố Ct hực hiện triển khai việc vận động nhân dân hiến đất làm vỉa hè nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa UBND Phường 4 thành phố C vào tham gia tố tụng để làm rõ đã triển khai việc vận động như thế nào, cuộc họp có gia đình ông T tham dự không... Từ đó, mới có cơ sở để xem xét giải quyết chấp nhận hay bác yêu cầu của người khởi kiện về yêu cầu bồi thường đất thu hồi 142 m² làm vỉa hè.

[2.2] Các nội dung khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên giữ nguyên.

[3] Từ những nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ và đưa UBND Phường 4 thành phố C vào tham gia tố tụng để làm rõ việc tranh chấp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông T, hủy một phần án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định pháp luật đối với yêu cầu hủy Quyết định số: 88/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của Chủ tịch UBND thành phố C Điều 1 về bác đơn của bà Phạm Kiều T1 (chồng là ông Huỳnh Thanh T) khiếu nại yêu cầu bồi thường bổ sung phần đất do giải tỏa, thu hồi mở rộng đường Trần Thị N2 bị thiếu diện tích tại phần đất thuộc Tổ 14, Phường 4, thành phố C, cụ thể không bồi thường đất thu hồi của bà làm vỉa hè 142 m² và Quyết định số: 05/QĐ-UBND-NĐ ngày 06/01/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Thanh T ủy quyền cho bà Phạm Kiều T1.

[4] Về án phí hành chính sơ thẩm: Số tiền 300.000 đồng ông Huỳnh Thanh T tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 06649 ngày 13/4/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi giải quyết lại vụ án.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do hủy một phần án nên ông T không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, Khoản 3 Điều 241, Điều 348 và Điều 349 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Căn cứ Luật đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Huỳnh Thanh T.

Hủy một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2019/HC-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc bác yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thanh T về việc yêu cầu hủy Quyết định số: 88/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của Chủ tịch UBND thành phố C Điều 1 về bác đơn của bà Phạm Kiều T1 (chồng là ông Huỳnh Thanh T) khiếu nại yêu cầu bồi thường bổ sung phần đất do giải tỏa, thu hồi mở rộng đường Trần Thị N2 bị thiếu diện tích tại phần đất thuộc Tổ 14, Phường 4, thành phố C, cụ thể không bồi thường đất thu hồi của bà làm vỉa hè 142 m² và yêu cầu hủy Quyết định số: 05/QĐ-UBND-NĐ ngày 06/01/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ1.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thanh T về việc yêu cầu hủy Công văn số: 183/UBND-TCĐ ngày 13/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ1.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thanh T về việc: Yêu cầu hủy Quyết định số: 2339/QĐ-UBND ngày 12/12/2006 của Ủy ban nhân dân thị xã C, về việc thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ về đất cho hộ ông Huỳnh Thanh T, ngụ tại Phường 4, thị xã C để xây dựng công trình đường Trần Thị N2; Yêu cầu bồi thường đối với phần đất bị thu hồi có diện tích 357,4m² với số tiền là 469.849.476 đồng và yêu cầu về hành vi hành chính của Chủ tịch UBND tỉnh Đ1, về việc từ khi có biên bản làm việc theo Quyết định số: 884/QĐ-TTCT ngày 25/5/2012 của Thanh tra Chính phủ mà Ủy ban nhân dân tỉnh Đ1 không thi hành bất cứ quyết định hay Công văn nào để trả lời về việc có thi hành hoặc không thi hành theo nội dung tại biên bản làm việc của Thanh tra Chính phủ.

4. Trả lại đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo cho đương sự nếu có yêu cầu.

5. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Huỳnh Thanh T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

06649 ngày 13/4/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

5. Về án phí hành chính phúc thẩm: Hoàn lại cho ông Huỳnh Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BH/2018/ 0009934 ngày 18/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Dương sự;
- Lưu – (Án - Trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương